

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 3 năm 2010 và 9 tháng đầu năm 2010

ĐVT: VND

| Mã số | Chi tiêu                                                      | Thuyết minh | Quý 3 năm 2009 | Quý 3 năm 2010  | Lũy kế 9 tháng 2009 | Lũy kế 9 tháng 2010 |
|-------|---------------------------------------------------------------|-------------|----------------|-----------------|---------------------|---------------------|
| 1     | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                     | VI.20       |                | 664.303.971.308 |                     | 1.385.395.718.787   |
| 2     | 2. Các khoản giảm trừ                                         |             |                | 0               |                     | 0                   |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ            |             |                | 664.303.971.308 |                     | 1.385.395.718.787   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                           | VI.21       |                | 460.790.564.364 |                     | 954.203.658.376     |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ              |             |                | 203.513.406.944 |                     | 431.192.060.411     |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                              | VI.22       |                | 5.595.855.353   |                     | 22.889.971.137      |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                          | VI.23       |                | 5.207.873.649   |                     | 20.326.232.673      |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                                   |             |                | 5.146.846.236   |                     | 19.720.005.000      |
| 24    | 8. Chi phí bán hàng                                           |             |                | 6.930.553.397   |                     | 13.629.048.410      |
| 25    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                               |             |                | 54.771.464.875  |                     | 83.391.609.162      |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                   |             |                | 142.199.370.376 |                     | 336.735.141.303     |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                             |             |                | 36.559.775.610  |                     | 96.975.443.758      |
| 32    | 12. Chi phí khác                                              |             |                | 8.944.857.917   |                     | 24.823.973.194      |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                                            |             |                | 27.614.917.693  |                     | 72.151.470.564      |
| 45    | 14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh |             |                | 1.670.817.803   |                     | 9.910.453.190       |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                         |             |                | 171.485.105.872 |                     | 418.797.065.057     |
| 51    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành              | VI.24       |                | 42.353.616.815  |                     | 100.399.496.677     |
| 52    | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại               |             |                | 0               |                     | 0                   |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                  |             |                | 129.131.489.057 |                     | 318.397.568.380     |
| 61    | 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số                 |             |                | (119.045.927)   |                     | (189.631.893)       |
| 62    | 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ           |             |                | 129.250.534.984 |                     | 318.587.200.273     |
| 70    | 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                  | VI.25       |                |                 |                     | 3.975               |

Người lập biểu  
Nguyễn Thị Lệ Dung  
Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 11 năm 2010.

Kế toán trưởng  
Dương Văn Khen

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Tân

